

Số: 252/QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chuẩn trình độ ngoại ngữ không chuyên  
đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chính quy  
và quản lý hoạt động đào tạo ngoại ngữ không chuyên**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Đồng Tháp và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04/9/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định Chuẩn trình độ ngoại ngữ không chuyên đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chính quy và quản lý hoạt động đào tạo ngoại ngữ không chuyên”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trường phòng Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng đơn vị thuộc Trường Đại học Đồng Tháp, cán bộ, giảng viên và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị trong Trường;
- Các lớp sinh viên chính quy;
- Lưu: VT, ĐT (Tân).



**Nguyễn Văn Đệ**

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 8 năm 2014

## **QUY ĐỊNH**

### **Chuẩn trình độ ngoại ngữ không chuyên đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chính quy và quản lý hoạt động đào tạo ngoại ngữ không chuyên**

(Ban hành theo Quyết định số 858/QĐ-ĐHĐT, ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định chuẩn trình độ năng lực ngoại ngữ không chuyên đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chính quy và quản lý hoạt động đào tạo ngoại ngữ không chuyên, bao gồm: Những quy định chung; chuẩn trình độ ngoại ngữ không chuyên và nhiệm vụ của sinh viên; quản lý hoạt động đào tạo ngoại ngữ không chuyên.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng với sinh viên đại học, cao đẳng chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2014.

2. Quy định này không áp dụng đối với sinh viên nước ngoài, sinh viên diện cử tuyển và sinh viên được xét tuyển thẳng thuộc huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 3. Cơ sở pháp lý của việc ban hành Quy định**

1. Quyết định 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”;

2. Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp triển khai chủ trương chủ động và tích cực hội nhập quốc tế;

3. Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;

4. Kế hoạch số 808/KH-BGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2012-2020;

5. Công văn số 7274/BGDĐT-GDĐH ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện kế hoạch triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 trong các cơ sở giáo dục đại học;

6. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

#### Điều 4. Mục đích ban hành Quy định

1. Làm căn cứ cho giảng viên lựa chọn và triển khai nội dung, cách thức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá để người học đạt được yêu cầu của chương trình đào tạo.
2. Giúp người học hiểu được nội dung, yêu cầu đối với từng trình độ năng lực ngoại ngữ và tự đánh giá năng lực của mình.
3. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, trao đổi giáo dục, công nhận văn bằng, chứng chỉ với các quốc gia ứng dụng Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR).
4. Giúp sinh viên làm cơ sở để xét tốt nghiệp chương trình đào tạo.
5. Làm cơ sở để quản lý các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ trong Trường Đại học Đồng Tháp.

#### Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuẩn trình độ ngoại ngữ không chuyên* là bậc trình độ tối thiểu về ngoại ngữ mà sinh viên phải đạt được mới đủ điều kiện tốt nghiệp.
2. *Ngoại ngữ căn bản* là các học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo.
3. *Ngoại ngữ tăng cường* là chương trình đào tạo tăng cường môn ngoại ngữ để sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ.

### Chương II

#### CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN VÀ NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN

#### Điều 6. Bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ

1. Bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng Anh:

| Chuẩn VN (Bậc) | Khung tham chiếu châu Âu (CEFR) | IELTS             | TOEIC | TOEFL PBT  | TOEFL CBT  | TOEFL IBT | Cambridge Tests                            |
|----------------|---------------------------------|-------------------|-------|------------|------------|-----------|--------------------------------------------|
| 6              | C2                              | 7.5+              | 910+  | 600+       | 250+       | 100+      | 45 - 59 CPE<br>80 - 100 CAE                |
| 5              | C1                              | 7.0<br>6.5        | 850   | 577<br>540 | 236<br>213 | 95<br>80  | 60 - 79 CAE<br>80 - 100 FCE                |
| 4              | B2                              | 6.0<br>5.5<br>5.0 | 600   | 527<br>480 | 197<br>173 | 71<br>61  | 60 - 79 FCE<br>80 - 100 PET                |
| 3              | B1                              | 4.5<br>4.0        | 450   | 477<br>450 | 153<br>126 | 53<br>42  | 45 - 59 FCE<br>65 - 79 PET<br>90 - 100 KET |
| 2              | A2                              | 3.5<br>3.0        | 400   | 340        | 96         | 31        | 45 - 64 PET<br>70 - 89 KET                 |
| 1              | A1                              | <3.0              | <400  | <340       | <96        | <31       | 45 - 69 KET                                |

2. Bảng quy đổi chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng Trung và tiếng Pháp:

| Chuẩn VN<br>(Bậc) | Khung tham chiếu<br>châu Âu<br>(CEFR) | Tiếng Trung<br>(HSK) | Tiếng Pháp<br>(DELF-DALF) |
|-------------------|---------------------------------------|----------------------|---------------------------|
| 6                 | C2                                    | Cấp 6                | C2                        |
| 5                 | C1                                    | Cấp 5                | C1                        |
| 4                 | B2                                    | Cấp 4                | B2                        |
| 3                 | B1                                    | Cấp 3                | B1                        |
| 2                 | A2                                    | Cấp 2                | A2                        |
| 1                 | A1                                    | Cấp 1                | A1                        |

**Điều 7. Quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên**

1. Đối với sinh viên cao đẳng: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2. Đối với sinh viên đại học: Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

**Điều 8. Điều kiện để được công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ**

1. Sinh viên được công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ nếu có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

- a) Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại Điều 7;
- b) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo ở nước ngoài;
- c) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên được đào tạo trong nước mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là một ngoại ngữ không qua phiên dịch;
- d) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

2. Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, sinh viên cần gửi đến Phòng Đào tạo để thẩm định và công nhận.

**Điều 9. Đăng ký học ngoại ngữ căn bản**

1. Hàng năm, Nhà trường tổ chức giảng dạy ba ngoại ngữ căn bản bao gồm: Tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Trung. Cá nhân sinh viên chọn một trong ba ngoại ngữ này để đăng ký học tập.

2. Sinh viên năm thứ nhất đăng ký học phần ngoại ngữ 1 vào học kỳ 1 (mùa Thu) và đăng ký học phần ngoại ngữ 2 vào học kỳ 2 (mùa Xuân) như đối với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

**Điều 10. Đăng ký học ngoại ngữ tăng cường**

1. Việc tổ chức giảng dạy và học tập môn ngoại ngữ tăng cường nằm ngoài chương trình ngành học nhằm giúp sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ sau khi đã hoàn thành

các học phần ngoại ngữ căn bản. Môn học này không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

2. Sinh viên sau khi hoàn thành xong các học phần ngoại ngữ căn bản, sẽ đăng ký tham dự kỳ thi kiểm tra trình độ chuẩn ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của Nhà trường để được công nhận đạt chuẩn ngoại ngữ.

3. Sinh viên chưa đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định thì phải đăng ký học ngoại ngữ tăng cường tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học..

#### **Điều 11. Nhiệm vụ của sinh viên**

1. Sinh viên chủ động đăng ký các học phần ngoại ngữ căn bản ngay từ đầu học kỳ như các học phần khác và xây dựng kế hoạch học tập để hoàn thành học phần theo quy định.

2. Sinh viên các ngành sư phạm học lần thứ hai trở đi (học lại) và sinh viên các ngành ngoài sư phạm đóng học phí các học phần ngoại ngữ căn bản như các học phần khác tại Phòng Kế hoạch - Tài chính của Trường.

3. Sau khi hoàn thành các học phần ngoại ngữ căn bản, sinh viên liên hệ với Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của Trường để đăng ký và nộp lệ phí dự thi chứng chỉ ngoại ngữ.

#### **Điều 12. Quyền lợi của sinh viên**

1. Đối với học phần ngoại ngữ căn bản, sinh viên các ngành sư phạm không phải đóng học phí trong lần học thứ nhất.

2. Điểm số của các học phần ngoại ngữ căn bản được tính như những học phần khác để xét cấp học bổng sau mỗi học kỳ và xếp loại tốt nghiệp.

3. Sinh viên được tham dự kỳ thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học của Trường, nếu đạt yêu cầu sẽ được Nhà trường cấp chứng chỉ theo quy định hiện hành.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN**

#### **Điều 13. Quản lý đào tạo ngoại ngữ căn bản và ngoại ngữ tăng cường**

1. Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tổ chức xây dựng chương trình đào tạo và đề cương các học phần ngoại ngữ căn bản; phân công, tổ chức, quản lý giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả các học phần ngoại ngữ căn bản cho sinh viên không chuyên ngữ theo quy định của Nhà trường.

2. Chương trình và đề cương các học phần sau khi được Bộ môn đánh giá, nghiệm thu, Khoa nộp về Phòng Đào tạo trước khi tổ chức giảng dạy cho sinh viên.

3. Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học có trách nhiệm quản lý việc đăng ký học tập, tổ chức giảng dạy và tổ chức thi đánh giá kết quả môn học ngoại ngữ tăng cường theo quy định hiện hành.

#### **Điều 14. Quản lý cấp phát chứng chỉ**

1. Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học quản lý và cấp phát chứng chỉ ngoại ngữ cho những sinh viên đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ.

2. Thời gian cấp chứng chỉ ngoại ngữ chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi có quyết định công nhận./.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Đệ**

